

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2022/DS-PT

Ngày: 26/5/2022

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lê Huy.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Ái Doan;

Bà Nguyễn Thị Ánh Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Hữu Nghĩa, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Bà Phan Thị Thanh Xuân, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 23 và 26 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2021/TLPT-DS ngày 28 tháng 02 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 63/2021/DS-ST ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 45/2022/QĐ-PT ngày 01 tháng 03 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần c;

Địa chỉ trụ sở: 108 Đ, Quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông B – Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng thương mại cổ phần c.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông T, sinh năm 1976; Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần c Chi nhánh Tiền Giang (theo văn bản ủy quyền số 1401/UQ-HĐQT-NHCT18 ngày 08/11/2021);

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông T1, sinh năm 1966, chức vụ: Cán bộ Phòng tổng hợp (theo văn bản ủy quyền số 431/UQ-CNTG ngày 26/4/2022);

Địa chỉ: số nhà 15B Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 4, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Hồ Hoàng T2, sinh năm 1983;

Địa chỉ: khu phố L 2, thị trấn V, huyện Đ, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Đỗ Thị Ngọc B, sinh năm 1988;

Địa chỉ: khu phố L 2, thị trấn V, huyện Đ, tỉnh Tiền Giang.

2. Hồ Văn P, sinh năm 1962;

3. Trần Thị Q, sinh năm 1969;

4. Hồ Hoàng T3, sinh năm 1988;

5. Hồ Hoàng M, sinh năm 1992;

6. Nguyễn Thị Hồng P, sinh năm 1993;

7. Phạm Thị Ngọc L, sinh năm 1993;

Cùng địa chỉ: khu phố L 2, thị trấn V, huyện Đ, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông P, bà Q: Luật sư Nguyễn Thanh T, Văn phòng Luật sư Cao Minh Triết thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tiền Giang.

Địa chỉ: số nhà 15 L, phường 1, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

(Đại diện hợp pháp của Ngân hàng thương mại cổ phần c, Hồ Văn P, Trần Thị Q, Đỗ Thị Ngọc B, Luật sư Nguyễn Thanh T có mặt; Hồ Hoàng T2, Hồ Hoàng T, Hồ Hoàng M có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần c – người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – Ông T1 trình bày:

Ngân hàng TMCP C Việt Nam – Chi nhánh Tiền Giang có ký với anh Hồ Hoàng T2 các hợp đồng tín dụng sau:

+ Hợp đồng tín dụng số 009CT/2017-HĐTD/NHCT760 ngày 23/01/2017: Số tiền vay 200.000.000 đồng; mục đích vay vốn: bổ sung vốn xây dựng hàng rào và mua sắm đồ dùng gia đình; thời hạn cho vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; lãi suất cho vay trong hạn: theo phương thức thả nổi và xác định ba tháng một lần vào ngày 02/01, 01/04, 01/07, 01/10 hàng năm, lãi suất được ghi trên từng giấy nhận nợ; lãi suất phạt nợ gốc quá hạn: bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Theo Giấy nhận nợ ngày 23/01/2017, số tiền giải ngân: 200.000.000 đồng, lãi suất: thả nổi hiện tại 11,9%/ năm, lãi trả hàng tháng vào ngày 27 dương lịch, gốc trả theo lịch trả nợ của hợp đồng tín dụng.

+ Hợp đồng cho vay từng lần số 120CT/2017-HĐCVTL/NHCT760 ngày 19/09/2017 và các Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng kèm theo: Số tiền cho vay 2.000.000.000 đồng; mục đích vay vốn: bù đắp chi phí mua tàu cá TG 93067-TS; thời hạn cho vay: 84 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên; lãi suất cho vay trong hạn: theo phương thức thả nổi và xác định

ba tháng một lần vào ngày 02/01, 01/04, 01/07, 01/10 hàng năm, lãi suất được ghi trên từng giấy nhận nợ; lãi suất đối với dư nợ gốc bị quá hạn: bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Theo Giấy nhận nợ ngày 19/09/2017, số tiền giải ngân: 2.000.000.000, lãi suất: 8,7%/năm thời hạn áp dụng trong vòng 24 tháng kể từ ngày giải ngân theo chính sách tín dụng “Lãi gắn kết- Thỏa sức vay”, lãi trả hàng tháng vào ngày 19 dương lịch, gốc trả theo lịch trả nợ ghi trên hợp đồng tín dụng.

+ Hợp đồng cho vay số 071CT/2018-HĐCV/NHCT760 ngày 25/07/2018: Số tiền cho vay 200.000.000 đồng; mục đích vay vốn: bù đắp chi phí mua sắm đồ dùng gia đình; thời hạn cho vay: 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên; lãi suất cho vay trong hạn: theo phương thức thả nổi và xác định một tháng vào ngày 10 hàng tháng, lãi suất được ghi trên từng giấy nhận nợ; lãi suất đối với dư nợ gốc bị quá hạn: bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Theo Giấy nhận nợ ngày 26/07/2018, số tiền giải ngân: 200.000.000 đồng. Lãi suất: 11,5%/năm, lãi trả hàng tháng vào ngày 01 dương lịch, gốc trả theo lịch trả nợ ghi trên hợp đồng tín dụng.

+ Hợp đồng cho vay số 138CT/2018-HĐCV/NHCT760 ngày 27/11/2018: Số tiền cho vay: 70.000.000 đồng; mục đích vay vốn: mua hàng tiêu dùng gia đình; thời hạn cho vay: 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên; lãi suất cho vay trong hạn: theo phương thức thả nổi và xác định ba tháng tháng một lần, lãi suất được ghi trên từng giấy nhận nợ; lãi suất đối với dư nợ gốc bị quá hạn: bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Theo Giấy nhận nợ ngày 28/11/2018, số tiền giải ngân: 70.000.000 đồng; lãi suất: 11,5%/năm, lãi trả hàng tháng vào ngày 27 dương lịch, gốc trả theo lịch trả nợ ghi trên hợp đồng tín dụng.

Để bảo đảm cho toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của ông Hồ Hoàng T2, theo các hợp đồng thế chấp, cụ thể:

+ Hợp đồng thế chấp bất động sản số 009CT/2017-HĐTC/NHCT760 ngày 19/01/2017 và được ký giữa ông Hồ Hoàng T2 với Ngân hàng thương mại cổ phần c - Chi nhánh Tiền Giang, tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất 65,7m² đất ở tại đô thị, thửa đất số 13, tờ bản đồ số 21, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00547 do UBND huyện Đ, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 13/06/2016 cho hộ ông Hồ Văn P, đến ngày 07/07/2016 tặng cho anh Hồ Hoàng T2.

+ Hợp đồng thế chấp động sản số 120CT/2017-HĐTC/NHCT760 ngày 19/09/2017 được ký giữa ông Hồ Hoàng T2 và bà Đỗ Thị Ngọc B với Ngân hàng thương mại cổ phần c - Chi nhánh Tiền Giang, tài sản thế chấp: Tàu cá

TG-93067-TS, ký hiệu CUMMINS N14, theo giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 268/2017 do Chi Cục Thủy sản Tiền Giang cấp ngày 15/09/2017.

+ Hợp đồng thế chấp tài sản số 071CT/2018/HĐBĐ/NHCT760 ngày 25/07/2018 được ký giữa hộ ông Hồ Văn P với Ngân hàng thương mại cổ phần c - Chi nhánh Tiền Giang, tài sản thế chấp: Quyền sử dụng đất 90,7m² đất thổ, thửa đất số 106, tờ bản đồ số 13, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01433 QSDĐ/648/QĐUB(H)8/03 do UBND huyện Đ, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 16/02/2004 cho hộ ông Hồ Văn P.

Toàn bộ các giao dịch thế chấp trên đều có công chứng và đăng ký thế chấp đầy đủ theo đúng quy định. Trong quá trình sử dụng vốn vay, ông Thái đã không thực hiện trả lãi, gốc đúng quy định tại các Hợp đồng tín dụng nêu trên nên khoản vay của các Hợp đồng tín dụng trên đã chuyển nợ quá hạn kể từ ngày 19/08/2019. Mặc dù, Ngân hàng thương mại cổ phần c - Chi nhánh Tiền Giang đã nhiều lần yêu cầu bên vay (ông Thái), bên bảo đảm (ông Thái, bà Bích, hộ ông P) thực hiện các nghĩa vụ của mình nhưng các bên vẫn không thực hiện được.

Nay Ngân hàng yêu cầu anh Hồ Hoàng T2 phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần c - Chi nhánh Tiền Giang số tiền nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn tạm tính đến hết ngày 16/11/2021 là: 2.417.897.902 đồng. Trong đó: nợ gốc 1.879.500.000 đồng; lãi trong hạn: 491.441.948 đồng; lãi quá hạn: 46.955.954 đồng, cụ thể.

+ Hợp đồng tín dụng số 009CT/2017-HĐTD/NHCT760 ngày 23/01/2017: Nợ gốc 70.000.000 đồng, lãi trong hạn 12.320.621 đồng, lãi phạt quá hạn 2.702.583 đồng.

+ Hợp đồng cho vay từng lần số 120CT/2017-HĐCVTL/NHCT760 ngày 19/09/2017 và các Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng kèm theo: Nợ gốc 1.640.000.000 đồng, lãi trong hạn 451.345.045 đồng, lãi phạt quá hạn 41.535.901 đồng.

+ Hợp đồng cho vay số 071CT/2018-HĐCV/NHCT760 ngày 25/07/2018: Nợ gốc 110.000.000 đồng, lãi trong hạn: 13.135.206 đồng, lãi phạt quá hạn 953.086 đồng.

+ Hợp đồng cho vay số 138CT/2018-HĐCV/NHCT760 ngày 27/11/2018: Nợ gốc 59.500.000 đồng, lãi trong hạn 14.641.076 đồng, lãi phạt quá hạn 1.764.384 đồng.

Kể từ ngày 17/11/2021, anh T2 còn phải tiếp tục trả lãi trong hạn, lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong các hợp đồng nêu trên.

Và buộc chị B, ông P, bà Q, anh T3 và anh M có nghĩa vụ liên đới trong việc thanh toán toàn bộ khoản nợ nêu trên của anh T2.

Trường hợp, anh T2 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP C Việt Nam, ngân hàng yêu cầu xử lý các tài sản thế chấp gồm:

- Thửa đất số 13, diện tích 65,7m², đất ở tại đô thị, tờ bản đồ số 21, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00547 do UBND huyện Đ, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 13/06/2016 cho hộ ông Hồ Văn P, đến ngày 07/07/2016 tặng cho anh Hồ Hoàng T2.

- Tàu cá TG-93067-TS, ký hiệu CUMMINS N14, theo Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 268/2017 do Chi Cục Thủy sản Tiền Giang cấp ngày 15/09/2017.

- Thửa đất số 106, diện tích 90,7m² đất thổ, tờ bản đồ số 13, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 01433 QSDĐ/648/QĐUB(H)8/03 do UBND huyện Đ, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 16/02/2004 cho hộ ông Hồ Văn P.

** Bị đơn Hồ Hoàng T2 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng theo quy định nhưng anh T2 đều vắng mặt không có lý do.*

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đỗ Thị Ngọc B trình bày:*

Chị là vợ của anh T2, chị thống nhất với lời trình bày của đại diện nguyên đơn vừa trình bày. Vợ chồng chị có vay tiền tại Ngân hàng TMCP C Việt Nam theo các hợp đồng mà đại diện nguyên đơn trình bày. Trong quá trình vay, do kinh tế khó khăn, đi biển không có lợi nhuận nên vợ chồng chị không có khả năng trả nợ cho ngân hàng đúng theo thỏa thuận trong hợp đồng. Nay vợ chồng chị đồng ý trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần C số tiền nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn: Tạm tính đến hết ngày 16/11/2020 số tiền là: 2.417.897.902 đồng.

Trong trường hợp, vợ chồng chị không trả số tiền nợ trên thì vợ chồng chị đồng ý để Ngân hàng sẽ phát mãi tài sản thế chấp của vợ chồng chị để trả nợ cho ngân hàng. Riêng Hợp đồng thế chấp tài sản số 071CT/2018/HĐBĐ/NHCT760 ngày 25/07/2018 chỉ đảm bảo cho khoản vay theo Hợp đồng cho vay số 071CT/2018-HĐCV/NHCT760 ngày 25/07/2018 nên vợ chồng chị không đồng ý phát mãi thửa đất số 106 để đảm bảo cho các khoản vay của các hợp đồng còn lại theo yêu cầu của ngân hàng.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Văn P, bà Trần Thị Q và anh Hồ Hoàng T cùng trình bày:*

Hộ gia đình có bảo lãnh thế chấp khoản vay cho Hồ Hoàng T2, tài sản thế chấp là thửa đất số 106, diện tích 90,7m² đất thổ, tờ bản đồ số 13, theo Giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 01433 QSDĐ/648/QĐUB(H)8/03 do UBND huyện Đ, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 16/02/2004 đối với Hợp đồng cho vay số 071CT/2018-HĐCV/NHCT760 ngày 25/07/2018. Nay ngân hàng yêu cầu anh T2 trả tiền thì hộ gia đình không có ý kiến gì, anh T2 sẽ bán tàu và phần đất của anh T2 trả cho ngân hàng. Phần đất hộ gia đình đã thế chấp để bảo lãnh cho khoản vay 200.000.000 đồng. Nay đối với khoản vay này còn nợ số tiền gốc là 110.000.000 đồng. Do đó, hộ gia đình đồng ý liên đới với anh T2 để trả số tiền còn nợ theo Hợp đồng cho vay số 071CT/2018-HĐCV/NHCT760 ngày 25/07/2018; không đồng ý liên đới với anh T2 trả số tiền còn nợ theo các hợp đồng vay còn lại của anh T2 và cũng không đồng ý phát mãi thửa đất số 106 để trả cho các khoản vay khác của anh T2.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hồ Hoàng M, chị Nguyễn Thị Hồng P và chị Phạm Thị Ngọc L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng theo quy định nhưng anh M, chị Phương và chị Lý đều vắng mặt không có lý do.*

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 63/2021/DS-ST ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

- Căn cứ vào Điều 299, Điều 317, khoản 6 Điều 320, Điều 322, Điều 323, Điều 335, Điều 336, Điều 338, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Án lệ số 08/2016 AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua và công bố theo Quyết định số 689/QĐ ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao;

- Căn cứ khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

** Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần c.*

- Buộc anh Hồ Hoàng T2 và chị Đỗ Thị Ngọc B có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần c số tiền gốc và tiền lãi tạm tính đến ngày 16/11/2021 là 2.293.809.610 đồng (*Hai tỷ hai trăm chín mươi ba triệu tám trăm lẻ chín nghìn sáu trăm mười đồng*), khi án có hiệu lực pháp luật.

+ Kể từ ngày 17/11/2021, anh T2 và chị B còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên

thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 009CT/2017-HĐTD/NHCT760 ngày 23/01/2017; Hợp đồng cho vay từng lần số 120CT/2017-HĐCVTL/NHCT760 ngày 19/09/2017 và các Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng; Hợp đồng cho vay số 138CT/2018-HĐCV/NHCT760 ngày 27/11/2018, các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thương mại cổ phần c thì lãi suất mà anh T2 và chị B phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

+ Khi anh T2 và chị B thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần c thì Ngân hàng có nghĩa vụ trả lại anh T2 và chị B bản chính: Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 268/2017 do Chi Cục Thủy sản Tiền Giang cấp ngày 15/09/2017 cho Hồ Hoàng T2 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00547 do UBND huyện Đ, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 13/06/2016 cho hộ ông Hồ Văn P, đến ngày 07/07/2016 tặng cho anh Hồ Hoàng T2.

+ Trong trường hợp, anh T2 và chị B không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nêu trên cho Ngân hàng thương mại cổ phần c thì ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để ngân hàng thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp động sản số 120CT/2017-HĐTC/NHCT760 ngày 19/9/2017 và theo Hợp đồng thế chấp động sản số 009CT/2017-HĐTC/NHCT760 ngày 19/01/2017.

- Buộc anh T2, chị B, bà Q, ông P, anh T3 và anh M có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần c số tiền gốc và tiền lãi tạm tính đến ngày 16/11/2021 là 124.088.292 đồng (*Một trăm hai mươi bốn triệu không trăm tám mươi tám nghìn hai trăm chín mươi hai đồng*), khi án có hiệu lực pháp luật.

+ Kể từ ngày 17/11/2021, anh T2, chị B, ông P, bà Q, anh T3 và anh M còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay số 071CT/2018-HĐCV/NHCT760 ngày 25/07/2018, các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thương mại cổ phần c thì lãi suất mà anh T2, chị B, ông P, bà Q, anh T3 và anh M phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

+ Khi anh T2, chị B, bà Q, ông P, anh T3 và anh M thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần c thì Ngân hàng có nghĩa vụ trả lại bà Q, ông P, anh T3 và anh M bản chính: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 01433

QSDD/648/QĐUB(H)8/03 do UBND huyện Đ, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 16/02/2004 cho hộ ông Hồ Văn P.

+ Trong trường hợp anh T2, chị B, bà Q, ông P, anh T3 và anh M không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nêu trên cho Ngân hàng thương mại cổ phần c thì ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để ngân hàng thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 071CT/2018/HĐBĐ/NHCT760 ngày 25/7/2018.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền và nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/11/2021, Ngân hàng thương mại cổ phần c có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử sửa án sơ thẩm theo hướng:

- Ghi nhận giá trị pháp lý văn bản bảo lãnh và buộc bên bảo lãnh (ông Hồ Văn P, bà Trần Thị Q, ông Hồ Hoàng T2) phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh đối với toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của bên được bảo lãnh (ông Hồ Hoàng T2, bà Đỗ Thị Ngọc B) phát sinh đối với bên nhận bảo lãnh (Ngân hàng c Chi nhánh Tiền Giang) – tạm tính đến ngày 16/11/2021 là 2.417.897.900 đồng, và bao gồm cả các khoản lãi, chi phí phát sinh theo các HĐTD sau ngày 16/11/2021. Bên bảo lãnh phải chịu trách nhiệm liên đới cùng với ông Hồ Hoàng T2, bà Đỗ Thị Ngọc B thực thi nghĩa vụ trả nợ toàn bộ.

- Ghi nhận giá trị pháp lý HĐTC số 071CT/2018/HĐBĐ/NHCT760 ngày 25/07/2018 và buộc bên thế chấp (ông Hồ Văn P, bà Trần Thị Q, ông Hồ Hoàng T2, ông Hồ Hoàng M và ông Hồ Hoàng T) phải thực hiện nghĩa vụ thế chấp đối với toàn bộ nghĩa vụ bảo lãnh của bên bảo lãnh phát sinh đối với bên nhận bảo đảm (Ngân hàng c Chi nhánh Tiền Giang). Tài sản thế chấp được xử lý để thi hành cho toàn bộ nghĩa vụ liên đới của bên bảo lãnh - tạm tính đến ngày 16/11/2021 là 2.417.897.902 đồng, và bao gồm cả các khoản lãi, chi phí phát sinh theo các HĐTD sau ngày 16/11/2021.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, hai bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

- Ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Hồ Văn P, Trần Thị Q: Hợp đồng tín dụng đi kèm hợp đồng thế chấp tài sản bảo đảm khoản vay, Hợp đồng cho vay số 071CT/2018-HĐCV/NHCT760 ngày 25/07/2018 phải có hợp đồng thế chấp số 071CT/2018/HĐBĐ/NHCT760 ngày 25/7/2018. Văn bản bảo lãnh là văn bản theo mẫu của hệ thống Ngân hàng thương mại cổ phần c, nhưng câu từ không rõ ràng, không thể hiện sự thỏa thuận của hai bên ký kết, không thể hiện Ngân hàng đã thông báo cho ông Hồ

Văn P, Trần Thị Q biết khoản nợ của anh Hồ Hoàng T2. Do vậy Tòa án cấp sơ thẩm nhận định và quyết định phù hợp pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục kháng cáo: Đại diện hợp pháp của Ngân hàng thương mại cổ phần C nộp đơn kháng cáo và thực hiện các thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung kháng cáo:

Ngân hàng TMCP C Việt Nam – Chi nhánh Tiền Giang có ký với anh Hồ Hoàng T2 các hợp đồng tín dụng sau:

+ Hợp đồng tín dụng số 009CT/2017-HĐTD/NHCT760 ngày 23/01/2017, số tiền vay 200.000.000 đồng; mục đích vay vốn: bổ sung vốn xây dựng hàng rào và mua sắm đồ dùng gia đình; thời hạn cho vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; lãi suất cho vay trong hạn: theo phương thức thả nổi và xác định ba tháng một lần vào ngày 02/01, 01/04, 01/07, 01/10 hàng năm, lãi suất được ghi trên từng giấy nhận nợ; lãi suất phạt nợ gốc quá hạn: bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Theo Giấy nhận nợ ngày 23/01/2017, số tiền giải ngân: 200.000.000 đồng; lãi suất: thả nổi hiện tại 11,9%/ năm, lãi trả hàng tháng vào ngày 27 dương lịch; gốc trả theo lịch trả nợ của hợp đồng tín dụng (gọi tắt là hợp đồng tín dụng số 009CT/2017-HĐTD/NHCT760).

+ Hợp đồng cho vay từng lần số 120CT/2017-HĐCVTL/NHCT760 ngày 19/09/2017 và các Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng kèm theo: Số tiền cho vay 2.000.000.000 đồng; mục đích vay vốn: bù đắp chi phí mua tàu cá TG 93067-TS; thời hạn cho vay: 84 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên; lãi suất cho vay trong hạn: theo phương thức thả nổi và xác định ba tháng một lần vào ngày 02/01, 01/04, 01/07, 01/10 hàng năm, lãi suất được ghi trên từng giấy nhận nợ; Lãi suất đối với dư nợ gốc bị quá hạn: bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Theo Giấy nhận nợ ngày 19/09/2017, số tiền giải ngân:

2.000.000.000; lãi suất: 8.7%/năm thời hạn áp dụng trong vòng 24 tháng kể từ ngày giải ngân theo chính sách tín dụng “Lãi gắn kết- Thỏa sức vay”, lãi trả hàng tháng vào ngày 19 dương lịch; gốc trả theo lịch trả nợ ghi trên hợp đồng tín dụng (gọi tắt là hợp đồng cho vay số 120CT/2017-HĐCVTL/NHCT760).

+ Hợp đồng cho vay số 071CT/2018-HĐCV/NHCT760 ngày 25/07/2018: Số tiền cho vay 200.000.000 đồng; mục đích vay vốn: bù đắp chi phí mua sắm đồ dùng gia đình; thời hạn cho vay: 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên; lãi suất cho vay trong hạn: theo phương thức thả nổi và xác định một tháng vào ngày 10 hàng tháng, lãi suất được ghi trên từng giấy nhận nợ; lãi suất đối với dư nợ gốc bị quá hạn: bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Theo Giấy nhận nợ ngày 26/07/2018, số tiền giải ngân: 200.000.000 đồng; lãi suất: 11.5%/năm, lãi trả hàng tháng vào ngày 01 dương lịch; gốc trả theo lịch trả nợ ghi trên hợp đồng tín dụng (gọi tắt là hợp đồng cho vay số 071CT/2018-HĐCV/NHCT760).

+ Hợp đồng cho vay số 138CT/2018-HĐCV/NHCT760 ngày 27/11/2018, số tiền cho vay: 70.000.000 đồng; mục đích vay vốn: mua hàng tiêu dùng gia đình; thời hạn cho vay: 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên; lãi suất cho vay trong hạn: theo phương thức thả nổi và xác định ba tháng tháng một lần, lãi suất được ghi trên từng giấy nhận nợ; lãi suất đối với dư nợ gốc bị quá hạn: bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Theo Giấy nhận nợ ngày 28/11/2018, số tiền giải ngân: 70.000.000 đồng; lãi suất: 11.5%/năm, lãi trả hàng tháng vào ngày 27 dương lịch; gốc trả theo lịch trả nợ ghi trên hợp đồng tín dụng (gọi tắt là hợp đồng cho vay số 138CT/2018-HĐCV/NHCT760).

Để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ vay của ông Hồ Hoàng T2, các bên có ký kết các hợp đồng bảo đảm như sau:

+ Hợp đồng thế chấp bất động sản số 009CT/2017-HĐTC/NHCT760 ngày 19/01/2017, được ký giữa ông Hồ Hoàng T2 với Ngân hàng thương mại cổ phần c - Chi nhánh Tiền Giang, tài sản thế chấp là quyền sử dụng thửa đất số 13, tờ bản đồ số 21, diện tích 65,7m², loại đất ở đô thị theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00547 do UBND huyện Đ, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 13/06/2016 cho hộ ông Hồ Văn P, đến ngày 07/07/2016 tặng cho anh Hồ Hoàng T2 (gọi tắt là hợp đồng thế chấp số 009CT/2017-HĐTC/NHCT760).

+ Hợp đồng thế chấp động sản số 120CT/2017-HĐTC/NHCT760 ngày 19/09/2017, được ký giữa ông Hồ Hoàng T2 và bà Đỗ Thị Ngọc B với Ngân hàng thương mại cổ phần c - Chi nhánh Tiền Giang, tài sản thế chấp là tàu cá TG-93067-TS, ký hiệu CUMMINS N14, theo giấy chứng nhận đăng ký tàu cá

số 268/2017 do Chi Cục Thủy sản Tiền Giang cấp ngày 15/09/2017 (gọi tắt là hợp đồng thế chấp số 120CT/2017-HĐTC/NHCT760).

+ Hợp đồng thế chấp tài sản số 071CT/2018/HĐBĐ/NHCT760 ngày 25/07/2018, được ký giữa hộ ông Hồ Văn P với Ngân hàng thương mại cổ phần c Chi nhánh Tiền Giang, tài sản thế chấp là quyền sử dụng thửa đất số 106, tờ bản đồ số 13, diện tích 90,7m², loại đất thổ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01433 QSDĐ/648/QĐUB(H)8/03 do UBND huyện Đ, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 16/02/2004 cho hộ ông Hồ Văn P (gọi tắt là hợp đồng thế chấp số 071CT/2018/HĐBĐ/NHCT760).

Xét thấy, Hợp đồng thế chấp số 071CT/2018/HĐBĐ/NHCT760 là hợp đồng thế chấp tài sản là biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh của bên thứ ba là hộ ông Hồ Văn P nhằm thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho ông Hồ Hoàng T2 theo Mục 2 Văn bản bảo lãnh ngày 25/7/2018 (bút lục 96): *“Bên Bảo Lãnh đồng ý thế chấp và/hoặc cầm cố tài sản để bảo đảm cho nghĩa vụ thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh của mình theo Văn bản này. Việc thế chấp và/hoặc cầm cố sẽ được các bên thỏa thuận tại (các) Hợp đồng thế chấp và/hoặc cầm cố cụ thể”*

Tại khoản 1.02 Điều 1 của Hợp đồng thế chấp số 071CT/2018/HĐBĐ/NHCT760 quy định về nghĩa vụ được bảo đảm: *“Nghĩa vụ được bảo đảm là nghĩa vụ của Bên Thế Chấp trả nợ thay cho Bên Được Bảo Lãnh theo đúng cam kết tại Văn bản bảo lãnh ngày 25/7/2018...”*

Điều 5 của Hợp đồng cho vay số 071CT/2018/HĐCV/NHCT760071 quy định về biện pháp bảo đảm:

“Nghĩa vụ trả nợ gốc, thanh toán lãi, phí, tiền phạt, tiền bồi thường và các nghĩa vụ khác của Bên Vay phát sinh từ Hợp Đồng này được bảo đảm bởi các tài sản với hình thức bảo đảm, giá trị tài sản bảo đảm theo cam kết bảo lãnh/Hợp đồng bảo đảm mà Bên Vay và /hoặc Tổ chức/Cá nhân khác ký kết với Bên Cho Vay và/hoặc các biện pháp bảo đảm khác (“Hợp Đồng Bảo Đảm”), cụ thể:

(a) *Các Hợp Đồng Bảo Đảm được xác lập trước và/hoặc cùng thời điểm ký kết Hợp Đồng này có quy định hoặc dẫn chiếu nghĩa vụ được bảo đảm bao gồm cả nghĩa vụ phát sinh từ Hợp Đồng này, gồm:*

(i) Hợp đồng thế chấp số 071CT/2018/HĐBĐ/NHCT760 ngày 25/7/2018 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp kèm theo (nếu có)

(b) *Các Hợp Đồng Bảo Đảm được xác lập sau thời điểm ký kết Hợp Đồng này có quy định hoặc dẫn chiếu nghĩa vụ được bảo đảm bao gồm cả nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng này.”*

Khoản 2.02 Điều 2 Hợp đồng thế chấp số 071CT/2018/HĐBĐ/NHCT760 quy định về tài sản thế chấp:

*(a) Tại thời điểm ký kết Hợp đồng này, Các Bên thống nhất định giá giá trị Tài Sản Thế Chấp là 343.000.000 VND (Bằng chữ: **Ba trăm bốn mươi ba triệu đồng**)*

(c) Giá trị Tài Sản Thế Chấp theo quy định tại điểm 2.02(a) chỉ có ý nghĩa liên quan đến việc xác định (các) khoản tín dụng (nợ gốc/số dư khoản bảo lãnh/số dư L/c...) tối đa mà Bên Nhận Thế Chấp cấp cho Bên Được Bảo Lãnh... ”.

Theo quy định tại Điều 10 của Nghị định số 178/1999/NĐ-CP ngày 29/12/1999 của Chính phủ về bảo đảm tiền vay của các tổ chức tín dụng: “*Tổ chức tín dụng quyết định mức cho vay trong giới hạn giá trị tài sản bảo đảm tiền vay và phạm vi bảo đảm thực hiện nghĩa vụ đã được xác định.*”, khoản 10 Điều 1 Nghị định số 85/2002/NĐ-CP ngày 25/10/2002 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 178/1999/NĐ-CP ngày 29/12/1999 của Chính phủ về bảo đảm tiền vay của các tổ chức tín dụng: “*Tài sản bảo đảm tiền vay phải được xác định giá trị tại thời điểm ký kết hợp đồng bảo đảm; việc xác định giá trị tài sản tại thời điểm này chỉ làm cơ sở xác định mức cho vay của tổ chức tín dụng...*”, và khoản 1 Mục III của Thông tư số 07/2003/TT-NHNN ngày 19/5/2003 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về Hướng dẫn thực hiện một số quy định về bảo đảm tiền vay của các tổ chức tín dụng: “*Phạm vi bảo đảm thực hiện nghĩa vụ là nghĩa vụ trả nợ của khách hàng vay đối với tổ chức tín dụng. Nghĩa vụ trả nợ của khách hàng vay đối với tổ chức tín dụng bao gồm tiền vay (nợ gốc), lãi vay, lãi quá hạn, các khoản phí (nếu có) được ghi trong hợp đồng tín dụng mà khách hàng vay phải trả theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận lãi vay, lãi quá hạn, các khoản phí (nếu có) không thuộc phạm vi bảo đảm thực hiện nghĩa vụ.*”

Như vậy, có thể khẳng định Hợp đồng thế chấp số 071CT/2018/HĐBĐ/NHCT760 là hợp đồng thế chấp tài sản của bên bảo lãnh để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh của Hợp đồng cho vay số 071CT/2018/HĐCV/NHCT760.

Trong các Hợp đồng tín dụng số 009CT/2017-HĐTD/NHCT760, Hợp đồng cho vay số 120CT/2017-HĐTD/NHCT760, Hợp đồng cho vay số 138CT/2018/HĐTD/NHCT760 đều có quy định biện pháp bảo đảm nhưng không có quy định hoặc dẫn chiếu biện pháp bảo đảm tiền vay bởi Hợp đồng thế chấp số 071CT/2018/HĐBĐ/NHCT760. Từ đó cho thấy, hộ ông Hồ Văn P không có cam kết sử dụng tài sản là quyền sử dụng thửa đất số 106, tờ bản đồ số

13, diện tích 90,7m² tại thị trấn Vàm Láng, huyện Đ, tỉnh Tiền Giang bảo đảm để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho ông Hồ Hoàng T2 trong các Hợp đồng tín dụng số 009CT/2017-HĐTD/NHCT760, Hợp đồng cho vay số 120CT/2017-HĐTD/NHCT760, Hợp đồng cho vay số 138CT/2018/HĐTD/NHCT760.

Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Tiền Giang không chấp nhận một phần yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần c về việc buộc ông Hồ Văn P, bà Trần Thị Q, ông Hồ Hoàng T, Hồ Hoàng M có nghĩa vụ liên đới cùng ông Hồ Hoàng T2 và bà Đỗ Thị Ngọc B trả nợ Ngân hàng thương mại cổ phần c theo các Hợp đồng tín dụng số 009CT/2017-HĐTD/NHCT760, Hợp đồng cho vay số 120CT/2017-HĐTD/NHCT760, Hợp đồng cho vay số 138CT/2018/HĐTD/NHCT760 và xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp số 071CT/2018/HĐBĐ/NHCT760 để thi hành cho toàn bộ nghĩa vụ liên đới là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Tại giai đoạn phúc thẩm, đại diện hợp pháp của Ngân hàng thương mại cổ phần c cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh phản bác nội dung bản án sơ thẩm. Do vậy yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng là không có căn cứ để chấp nhận.

[3]. Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Ngân hàng thương mại cổ phần c phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

[4]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang có căn cứ pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử phúc thẩm nên chấp nhận.

[5]. Xét ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Hồ Văn P, Trần Thị Q là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6]. Những phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 299, Điều 317, khoản 6 Điều 320, Điều 322, Điều 323, Điều 335, Điều 336, Điều 338, khoản 2 Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 10, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 1 Mục III

của Thông tư số 07/2003/TT-NHNN ngày 19/5/2003 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về Hướng dẫn thực hiện một số quy định về bảo đảm tiền vay của các tổ chức tín dụng; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng thương mại cổ phần c.

2. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 63/2021/DS-ST ngày 16/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Tiền Giang.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần c.

- Buộc anh Hồ Hoàng T2 và chị Đỗ Thị Ngọc B có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần c số tiền gốc và tiền lãi tạm tính đến ngày 16/11/2021 là 2.293.809.610 đồng (*Hai tỷ hai trăm chín mươi ba triệu tám trăm lẻ chín nghìn sáu trăm mười đồng*), khi án có hiệu lực pháp luật.

+ Kể từ ngày 17/11/2021 cho đến thi hành án xong, anh T2 và chị B còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 009CT/2017-HĐTD/NHCT760 ngày 23/01/2017; Hợp đồng cho vay từng lần số 120CT/2017-HĐCVTL/NHCT760 ngày 19/09/2017 và các Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng; Hợp đồng cho vay số 138CT/2018-HĐCV/NHCT760 ngày 27/11/2018, các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thương mại cổ phần c thì lãi suất mà anh T2 và chị B phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

+ Khi anh T2 và chị B thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần c thì Ngân hàng có nghĩa vụ trả lại anh T2 và chị B bản chính: Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 268/2017 do Chi Cục Thủy sản Tiền Giang cấp ngày 15/09/2017 cho Hồ Hoàng T2 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00547 do UBND huyện Đ, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 13/06/2016 cho hộ ông Hồ Văn P, đến ngày 07/07/2016 tặng cho anh Hồ Hoàng T2.

+ Trong trường hợp, anh T2 và chị B không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nêu trên cho Ngân hàng thương mại cổ phần c thì ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để ngân hàng thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp động sản số 120CT/2017-HĐTC/NHCT760 ngày

19/9/2017 và theo Hợp đồng thế chấp động sản số 009CT/2017-HĐTC/NHCT760 ngày 19/01/2017.

- Buộc anh Hồ Hoàng T2, chị Đỗ Thị Ngọc B, bà Trần Thị Q, ông Hồ Văn P, anh Hồ Hoàng T và anh Hồ Hoàng M có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần c số tiền gốc và tiền lãi tạm tính đến ngày 16/11/2021 là 124.088.292 đồng (*Một trăm hai mươi bốn triệu không trăm tám mươi tám nghìn hai trăm chín mươi hai đồng*), khi án có hiệu lực pháp luật.

+ Kể từ ngày 17/11/2021 đến khi thi hành án xong, anh T2, chị B, ông P, bà Q, anh T3 và anh M còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay số 071CT/2018-HĐCV/NHCT760 ngày 25/07/2018, các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thương mại cổ phần c thì lãi suất mà anh T2, chị B, ông P, bà Q, anh T3 và anh M phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

+ Khi anh T2, chị B, bà Q, ông P, anh T3 và anh M thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần c thì Ngân hàng có nghĩa vụ trả lại bà Q, ông P, anh T3 và anh M bản chính: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 01433/QSDD/648/QĐUB(H)8/03 do UBND huyện Đ, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 16/02/2004 cho hộ ông Hồ Văn P.

+ Trong trường hợp anh T2, chị B, bà Q, ông P, anh T3 và anh M không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nêu trên cho Ngân hàng thương mại cổ phần c thì ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để ngân hàng thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 071CT/2018/HĐBĐ/NHCT760 ngày 25/7/2018.

3. Án phí:

Ngân hàng thương mại cổ phần c phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Chuyển 300.000 đồng tạm ứng án phí mà Ngân hàng đã nộp theo biên lai thu số 0007440 ngày 01/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Tiền Giang nộp án phí.

4. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật tố tụng.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Đ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- CCTHADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ án văn.

Nguyễn Lê Huy